

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 221/2021/QĐST-HNGĐ

*Tp. Kon Tum, ngày 02 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 361/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Trọng N; sinh năm 1987;

- *Bị đơn*: Chị Phạm Kim N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số 50 Nơ Trang Long, tổ 5, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Quỹ tín dụng Nhân dân QT;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H – Giám đốc;

Địa chỉ: Số 505 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Ngày 26/11/2021 Quỹ tín dụng Nhân dân QT có Văn bản số 152/2021/BC-QTD, đồng ý với nội dung thỏa thuận của anh Bùi Trọng N và chị Phạm Kim N về việc giao anh Nghĩa có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Quỹ tín dụng khi đến hạn; và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Trọng N và chị Phạm Kim N.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Trọng N và chị Phạm Kim N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Giao 02 con chung Bùi Phạm Quỳnh T, sinh ngày 11/02/2015 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 22/7/2018 cho chị Phạm Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

2.3. *Cấp dưỡng nuôi con*: Anh Bùi Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng vào ngày 05 hàng tháng, tính từ tháng 12/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

2.4. *Về thỏa thuận lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng*: Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và chị Phạm Kim N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà anh Bùi Trọng N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng với mức lãi suất 10%/năm.

2.5. *Về tài sản*: Các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung trước khi Tòa án tiến hành Hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, như sau:

- *Tài sản chung*: Không có.

- *Tài sản riêng*: Lô đất diện tích 160m<sup>2</sup>, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ: Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH01550, ngày 09/5/2011 cho anh Bùi Trọng N, địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, Kon Tum và toàn bộ tài sản trên đất (căn nhà xây cấp 4 và các công trình xây dựng trên đất) là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của anh Bùi Trọng N.

- *Nợ chung*: Anh Bùi Trọng N nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất cho Quỹ tín dụng nhân dân QT khi đến hạn, theo 03 hợp đồng tín dụng số 260/21 ngày 22/7/2021, số 288/21 ngày 12/8/2021 và số 324/21/HĐTD ngày 14/9/2021 đã được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân QT với anh Bùi Trọng N và chị Phạm Kim N.

2.5. *Án phí và chi phí tố tụng*: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- *Án phí*: Anh Bùi Trọng N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và nhận nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Cộng anh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000382 ngày 02-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Anh N đã nộp đủ tiền án phí.

- *Chi phí tố tụng*: Anh Bùi Trọng N nhận chịu 1.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh N đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- UBND nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Hoài**

